

Số: 282/BC-UBND

Mỹ Tú, ngày 30 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp
chủ yếu năm 2022**

Thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Mỹ Tú khóa XI về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội huyện Mỹ Tú năm 2021, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2022 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2021, đối mặt với tình hình khó khăn chung do tác động của dịch bệnh, UBND huyện quán triệt thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng, chống dịch Covid-19 vừa phát triển sản xuất” tập trung các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau:

1. Áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn theo chỉ đạo của cấp trên, thích ứng từng giai đoạn và từng cấp độ dịch bệnh. Trong đó, Giai đoạn từ ngày 29/7 đến ngày 14/8/2021 áp dụng Chỉ thị số 16/CT-TTg theo Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 18/7/2021 và số 1941/QĐ-UBND ngày 31/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng. Giai đoạn từ ngày 15/8 đến 15/9/2021 thực hiện các biện pháp theo từng cấp độ nguy cơ theo Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 15/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh. Từ 16/9/2021 áp dụng các biện pháp trong trạng thái bình thường mới theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh; từ ngày 17/10/2021 triển khai quy định tạm thời các biện pháp hành chính “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” theo từng cấp độ dịch theo Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 16/10/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

2. Triển khai toàn diện kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; đảm bảo trật tự an toàn xã hội, công tác quốc phòng quân sự địa phương; đảm bảo an sinh xã hội, chăm lo mọi mặt đời sống người dân.

3. Kế hoạch hành động ứng phó, biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 – 2030, kế hoạch phòng, chống hạn, thiếu nước, xâm nhập mặn mùa khô năm 2021, các chương trình, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản.

4. Triển khai tốt công tác chuẩn bị, tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn huyện trên tinh thần dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn và tiết kiệm.

5. Chú trọng các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, văn hóa, giáo dục, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; kế hoạch dạy nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững.

6. Kế hoạch tổng thể cải cách hành chính năm 2021 và giai đoạn 2021 – 2030.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN TỪNG LĨNH VỰC

1. Công tác phòng, chống dịch Covid-19

Với quyết tâm chính trị cao, đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng bộ và sự chung tay phòng, chống dịch Covid-19 của đa số người dân, bằng nhiều biện pháp đúng đắn, kịp thời, chủ động và linh hoạt trong mọi tình huống, từ đó công tác phòng, chống dịch mang lại kết quả tích cực.

Chỉ đạo Trung tâm Chỉ huy phòng, chống dịch Covid-19 của huyện xây dựng và áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội, kiểm soát dịch bệnh theo phương châm chặt bên trong, chắc bên ngoài, thực hiện nghiêm túc và chặt chẽ các biện pháp như khăn trương tiến hành điều tra, truy vết các trường hợp nghi nhiễm; tổ chức xét nghiệm sàng lọc cộng đồng tại vùng nguy cơ để phát hiện F0; đồng thời, tiến hành khăn trương, đồng loạt công tác tiêm vắc xin ngừa Covid-19, kịp thời khống chế các ổ dịch, hạn chế tối đa lây lan diện rộng.

Tính đến ngày 30/11/2021, toàn huyện ghi nhận 1.093 ca dương tính với SARS-CoV-2¹. Trong đó, đã điều trị khỏi 662 người, tử vong 9 người. Truy vết, cách ly tập trung 3.034 F1, cách ly tại nhà 3.946 F2, theo dõi sức khỏe tại nhà 3.022 F3².

Về tiếp nhận công dân của huyện từ các tỉnh, thành phố trở về có 8.933 người, được huyện tiếp nhận chu đáo; qua sàng lọc đưa cách ly tập trung 2.710 người, cách ly tại nhà 6.223 người, hiện còn quản lý tập trung 12 người, tại nhà 1.057 người.

¹ Số ca mắc tính theo địa bàn cụ thể: Long Hưng 179 ca, Phú Mỹ 164 ca, Hưng Phú 163 ca, Thuận Hưng 156 ca, Mỹ Hương 127 ca, Mỹ Thuận 111 ca, thị trấn HHN 79 ca, Mỹ Phước 76 ca, Mỹ Tú 30, khác huyện 8 ca.

² Tổng số 3.034 F1, 3.946 F2, 3.022 F3 đến ngày 30/11/2021 đã hoàn thành cách ly, theo dõi sức khỏe 2.567 F1, 3.946 F2, 3.022 F3, hiện còn quản lý 467 F1 (tập trung 303 người, tại nhà 165 người)

Thực hiện chính sách đối với người khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh: UBNDTTQVN huyện đã tiếp nhận và chi hỗ trợ 484 người bán vé số lẻ, số tiền 726 triệu đồng; thực hiện Nghị quyết 68 của Chính Phủ cho 6.954 người, số tiền 10,431 tỷ đồng; Chi hỗ trợ 42 F0, 408 F1 và 30 trẻ em điều trị Covid-19 số tiền 866,64 triệu đồng. Đang tổng hợp đề xuất tỉnh phê duyệt hỗ trợ cách ly người về địa phương đợt 1 cho 3.577 người, số tiền 3,83 tỷ đồng. Phân bổ 353.295 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội và hộ gặp khó khăn do ảnh hưởng đại dịch.

Đồng hành cùng công tác phòng, chống dịch, hệ thống Mặt trận, các đoàn thể vận động hỗ trợ người khó khăn, cung cấp thức ăn và nhu yếu phẩm tại các khu cách ly tập trung, khu điều trị... ước tính trị giá 5,83 tỷ đồng. Trong đó: Ủng hộ 90 tấn gạo, 9.317 phần quà cho hộ khó khăn, 517 thùng mì, tiền và rau củ quả...

Công tác tiêm vắc xin ngừa Covid-19, đã tiêm 118.249 liều (trong đó 66.715 liều mũi 1 và 51.534 liều mũi 2).

2. Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

Ban hành Kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2021; trong đó, xã Mỹ Hương phấn đấu đạt xã nông thôn mới nâng cao, xã Mỹ Thuận đạt xã nông thôn mới; tổ chức Hội thi "Tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu" năm 2021. Tham mưu Huyện ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025. Kết quả thực hiện năm 2021 toàn huyện có 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Long Hưng, Mỹ Hương, Hưng Phú, Mỹ Tú, Mỹ Thuận), 01 xã đạt 19 tiêu chí nâng cao (Mỹ Hương), 01 xã đạt 17 tiêu chí (Thuận Hưng), 02 xã đạt 15 tiêu chí trở lên (Mỹ Phước, Phú Mỹ).

Theo năm lương thực, toàn huyện gieo trồng 54.722 ha lúa, năng suất bình quân ước đạt 67,4 tạ/ha, tổng sản lượng 368.826 tấn, đạt 100,49% KH (trong đó sản lượng lúa đặc sản chiếm 88,6%). Nhìn chung, năng suất lúa tăng so cùng kỳ nhờ ứng dụng tiến bộ KHKT, cơ giới hóa trong sản xuất. Về hợp đồng bao tiêu sản phẩm với công ty, doanh nghiệp tiếp tục duy trì và mở rộng với 23.730 ha, chiếm 43,52% diện tích gieo trồng.

Thực hiện chuyển đổi từ diện tích mía kém hiệu quả sang trồng màu trên 400ha, đồng thời hướng đến sản xuất màu an toàn gắn với một số mô hình sản xuất, và tiêu thụ nông sản, kết quả toàn huyện xuống giống, thu hoạch 6.204ha màu, đạt 100.06% KH, ổn định diện tích 100ha mía, đạt 100% KH.

Diện tích cây ăn trái 1.700 ha, đạt 100 % KH (giảm 202 ha đối với vườn cây già cỗi, nhiễm bệnh, hiệu quả kinh tế kém); Trong đó: có 591,5 ha trồng cây chất lượng cao, diện tích còn lại là các loại cây ăn trái khác như xoài, măng cầu, mít thái...

Tổng đàn gia súc hiện có 27.191 con ³, đạt 101,19% KH, tổng đàn gia cầm 725.400 con, đạt 103,57% KH. Ảnh hưởng tình hình dịch tả heo Châu Phi có 16 hộ, tiêu hủy 469 con, tổng trọng lượng 30.999 kg.

Diện tích thủy sản toàn huyện 3.792 ha (tăng, đạt 102,49 % KH, tổng sản lượng 9.780 tấn. Trong đó: Diện tích nuôi tôm 102 ha (*tôm thẻ, tôm sú, tôm càng xanh*), diện tích cá các loại 3.690 ha.

Tiếp tục củng cố, nâng chất hoạt động các loại hình kinh tế tập thể, đã giải thể 01 và thành lập mới 02 HTX, cũng cố 15 HTX nông nghiệp, 01 HTX phi nông nghiệp và 80 THT, làm cầu nối trong tiếp cận thông tin, hợp tác sản xuất và tiêu thụ nông sản cho nông dân. Phối hợp với Liên Minh hợp tác xã tỉnh và Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng tập huấn về Luật hợp tác xã, quản trị HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị cho thành viên hội đồng quản trị các hợp tác xã và nông dân ở những nơi có nhu cầu thành lập HTX.

3. Về phát triển kinh tế

Trong năm, tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch đất đai. Đến nay, đã cấp 38.418 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, diện tích 34.170.65ha, đạt 99,72% so tổng diện tích phải cấp. Xem xét, giải quyết 1.233 trường hợp thế chấp, xóa thế chấp và thay đổi nội dung thế chấp; chỉnh biên động 535 hồ sơ, xác nhận thời hạn tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp 215 hồ sơ, điều chỉnh hạn mức đất ở 33 hồ sơ.

Tuyên truyền hưởng ứng: tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày nước thế giới và ngày Khí tượng thế giới năm 2021, ngày Quốc tế đa dạng sinh học, ngày Môi trường thế giới và hưởng ứng hoạt động Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn... tiếp tục thực hiện công tác bảo vệ môi trường đến nay có 576 cơ sở đã được xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 100%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường là 53,25 %% KH; Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại khu dân cư đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường 91,03%.

Tác động từ đại dịch Covid-19 toàn tỉnh nói chung, tuy nhiên với đặc điểm, tình hình của huyện tuy có tác động nhưng không lớn, với các giải pháp vừa chống dịch, vừa phát triển sản xuất, từ tháng 10/2021 các hoạt động được nối lỏng, sản xuất được phục hồi, góp phần tích cực đến thực hiện các chỉ tiêu về kinh tế. Ước cuối năm 2021, giá trị sản xuất CN – TTCN trên địa bàn là 598 tỷ đồng, đạt 100,17% KH; tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội 5.601 tỷ đồng, đạt 100,02% KH (trong đó bán lẻ 5.221 tỷ đồng, đạt 100,4% KH).

³ Đàn heo 20.116 con, đàn trâu 80 con, đàn bò 6.995 con (trong đó bò sữa 2.970 con)

Ngân sách ước thu 30.765 triệu đồng, đạt 100,21% KH huyện. Ước tổng chi ngân sách địa phương 549.093 triệu đồng, đạt 99,87% dự toán điều chỉnh và 123,4% dự toán giao đầu năm (không bao gồm chi từ khoản kết dư và chuyển nguồn năm 2020 chuyển sang).

Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp – PTNT huyện xét, phát vay 432 tỷ đồng, thu nợ 510 tỷ đồng, tổng dư nợ 646 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu dưới 0,3%. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện cho vay 90,121 tỷ đồng, 65,074 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 353,16 tỷ đồng, nợ quá hạn chiếm 0,23%, nợ khoanh 1,99%.

Vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư triển khai 96 danh mục công trình, với tổng số vốn 187 tỷ 018 triệu đồng (vốn đầu tư 135 tỷ 026 triệu đồng; vốn sự nghiệp 51 tỷ 992 triệu đồng). Giá trị giải ngân: 180 tỷ 291 triệu đồng, đạt 96,40% kế hoạch vốn.

5. Về Văn hóa và xã hội

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp nên học sinh chưa thể đến trường học trực tiếp. Tuy nhiên đối với cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông đang giảng dạy trực tuyến, cấp tiểu học các em học sinh xem truyền hình, từ đó ảnh hưởng tình hình thực hiện chỉ tiêu huy động học sinh đến lớp. Về xây dựng trường chuẩn quốc gia, đến nay có 34/44 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 77,27% tổng số trường, đạt 105,37% KH.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền phòng, chống dịch Covid- 19; tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân hưởng ứng chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; kỷ niệm các ngày thành lập, ngày truyền thống và các sự kiện lớn của đất nước; các thông tin về cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026; ngoài ra, chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường giám sát và kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp tung tin giả, tin sai sự thật làm ảnh hưởng uy tín của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên không gian mạng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày Lễ, Tết, Kỷ niệm được tổ chức an toàn, phù hợp với quy định phòng, chống dịch Covid- 19. Nâng chất 24.489 hộ gia đình văn hóa, công nhận và tái công nhận 81 ấp văn hóa.

Trong năm đào tạo nghề cho 2.200 lao động, đạt 100% KH; giới thiệu, giải quyết việc làm cho 2.285 lao động, đạt 103,86% KH; xuất khẩu lao động 03 người, đạt 10% KH. Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi là 72,21%. Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ đạt 26,2%.

Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, vận động 4.839 phần quà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, số tiền trên 1,64 tỷ đồng. Xác nhận danh sách BHYT tất cả các đối tượng được NSNN hỗ trợ trong năm 4.585 người. Thực hiện chính sách hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) cho 6.940 người, với số tiền 10.410 triệu đồng. UBMTTQVN huyện phối hợp chi hỗ trợ người bán vé số lẻ cho 491 người, với số tiền 736,5 triệu đồng.

Thực hiện tốt công tác chính sách người có công, nhân dịp tết nguyên đán Tân Sửu tổ chức thăm, tặng quà từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh, huyện cho 8.621 đối tượng, số tiền 2.863 triệu đồng⁴.

Ngày y tế bên cạnh tập trung phòng, chống dịch Covid-19, thực hiện khám, chữa bệnh cho 203.657 lượt người (trong đó khám bảo hiểm y tế 178.885 lượt, trẻ em 6 tuổi 16.015 lượt, khám dịch vụ 8.757 lượt). Về bệnh tay chân miệng có 81 ca, tăng 57 ca so với cùng kỳ. Tiếp tục duy trì xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 0,8‰, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 9,7%, tiêm chủng trẻ dưới 1 tuổi đạt 99%.

Trên lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc: UBND huyện phối hợp với Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Mỹ Tú tổ chức Đại hội Phật giáo lần thứ XI nhiệm kỳ 2021-2026. Tình hình triển khai chính sách dân tộc được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện và hỗ trợ kịp thời, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất. Thành lập các đoàn thăm, chúc mừng các Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh và huyện, các chùa và gia đình chính sách tiêu biểu là đồng bào Khmer trên địa bàn huyện nhân dịp Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây của đồng bào Khmer năm 2021 với kinh phí thực hiện 33.500.000 đồng và Lễ Sene DôlTa với tổng số tiền 27.500.000 đồng.

6. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh

Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội cơ bản bảo đảm, tai nạn giao thông tiếp tục được kiểm chế. Lực lượng công an, quân sự phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19, chuẩn bị tốt các điều kiện, bảo đảm an toàn tại các khu cách ly tập trung trên địa bàn.

Tình hình tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 22 vụ, giảm 05 vụ so cùng kỳ; phát hiện, xử lý 41 vụ 244 đối tượng đánh bạc dưới các hình thức (giảm 12 vụ, 61 đối tượng), đã khởi tố 03 vụ, 14 bị can, xử phạt hành chính 186 đối tượng, số tiền 304,1 triệu đồng, đang cùng cố hồ sơ xử lý 44 đối tượng còn lại.

Tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 7 vụ làm 7 người chết, 2 người bị thương (so với cùng kỳ tăng 3 vụ, tăng 3 người chết); tai nạn giao thông đường thủy xảy ra 1 vụ, hậu quả làm 01 người chết; va chạm giao thông đường bộ xảy ra 3 vụ, 5 người bị thương (tương đương cùng kỳ).

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương: Xây dựng Lực lượng dự bị động viên được 12.480 QNDB, đạt 99,78% so nhu cầu. Lực lượng DQTV đã kết nạp mới được 1.498 đ/c, đạt 1,39% dân số. Công tác tuyển chọn, gọi công nhân nhập ngũ hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao, chất lượng ngày càng cao.

⁴ Quà Trung ương: 1.991 đối tượng, số tiền 604,8 triệu đồng; Quà Tỉnh: 313 đối tượng, số tiền 134 triệu đồng; Quà huyện: 1.478 đối tượng, số tiền 478 triệu đồng. Chi trả trợ cấp thường xuyên kịp thời cho 1.084 đối tượng thương binh, thân nhân liệt sĩ, BMVNAH, người có công... với số tiền là 22.104 triệu đồng.

7. Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, thanh tra, tư pháp

Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cấp xã theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND, số 04/2020/NQ-HĐND ngày 08/5/2020 và Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Sắp xếp cơ quan chuyên môn khối QLNN và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện. Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn huyện nhiệm kỳ 2021 – 2026, kết quả bầu đủ số lượng 02 đại biểu Quốc hội, 05 đại biểu HĐND tỉnh, 30 đại biểu HĐND huyện và 238 đại biểu HĐND xã.

Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính và kiểm tra công vụ trên địa bàn huyện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định; ban hành Quyết định công bố chỉ số cải cách hành chính ở UBND các xã, thị trấn năm 2021 và những năm tiếp theo; thực hiện tự đánh giá chỉ số CCHC năm 2021 tại các xã, thị trấn thông qua phần mềm và tham gia Hội thi CCHC do tỉnh tổ chức.

Tổng kết phong trào thi đua, đề nghị tặng Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch UBND tỉnh. Đối với cấp huyện, khen tặng giấy khen các thành tích xuất sắc trong thực hiện kinh tế, xã hội, các phong trào như: hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội; công tác Đoàn; thực hiện cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm bảo đảm ANTT Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021; công tác gia đình; Công tác bầu cử đại biểu HĐND 3 cấp; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; biểu dương gương Người tốt - Việc tốt, phong trào xây dựng nông thôn mới...⁵

Bộ phận Tiếp công dân tiếp thường xuyên 35 lượt công dân, Chủ tịch UBND huyện tiếp 18 cuộc và đối thoại 01 cuộc với công dân. Thụ lý giải quyết 09 đơn phản ánh, gồm 07 đơn phản ánh về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 đơn về xét tái định cư dự án Trung tâm thương mại Long Hưng và 01 đơn phản ánh việc tiêm ngừa Covid - 19. Các ngành đã tham mưu giải quyết 02 vụ việc (thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Các vụ việc còn lại các ngành đang tổ chức xác minh tham mưu giải quyết.

Các ngành, các xã, thị trấn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (TCPL). Kết quả, tuyên truyền 1.624 cuộc, có 45.048 lượt người dự và nghe. Duy trì 11 đợt sinh hoạt ngày pháp luật cho cán bộ, công chức. Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động hòa giải viên Tổ hòa giải ở cơ sở, trong năm tiếp

⁵ Tặng Huân chương Lao động hạng ba cho 02 cá nhân. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 02 tập thể và 12 cá nhân. Chủ tịch UBND tỉnh công nhận 21 tập thể lao động xuất sắc, 01 cá nhân đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; Bằng khen 10 tập thể, 66 cá nhân, 06 Cờ thi đua, 10 bằng khen cho các cụm, khối thi đua... Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen cho 161 tập thể, 382 cá nhân và các thành tích khác

Tổ chức kiểm tra liên ngành tại 05 đơn vị. Trong đó, 01 cuộc kiểm tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại 02 đơn vị; 01 cuộc kiểm tra công tác theo dõi thi hành pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường, tài nguyên nước tại 02 đơn vị và 01 cuộc kiểm tra công tác theo dõi thi hành pháp luật về Đấu giá tài sản tại 01 đơn vị.

Thanh tra huyện triển khai 05 cuộc, đạt 100% KH gồm 01 cuộc thanh tra về quản lý thu - chi ngân sách và các nguồn thu khác của Trường Mẫu giáo Hưng Phú qua kết quả thanh tra đã kết luận thu hồi số tiền 3 triệu đồng, đồng thời chấn chỉnh một số hạn chế để đơn vị tổ chức thực hiện trong thời gian tới; Đối với 02 cuộc thanh tra trách nhiệm về phòng, chống tham nhũng tại 02 đơn vị Mỹ Hương và Phú Mỹ) và 02 cuộc thanh tra về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo đối với Chủ tịch UBND xã Mỹ Thuận và Thuận Hưng qua kết quả thanh tra không có sai phạm đồng thời có nhắc nhở chấn chỉnh những hạn chế cần thực hiện trong thời gian tới, qua thanh tra, chưa phát hiện trường hợp tham nhũng.

Công tác thi hành án dân sự:

Về việc: Tổng số giải quyết 1.060 việc (số cũ chuyển sang 357 việc, thụ lý mới 703 việc). Sau khi trừ đi số ủy thác, tổng số phải thi hành 1.057 việc, trong đó có điều kiện 787 việc, chưa có điều kiện 258 việc, hoãn thi hành 12 việc. Đã thi hành xong 643 việc, đạt tỷ lệ 81,7%, vượt 0,2% chỉ tiêu giao.

Về tiền: Tổng số giải quyết 29.720.655.000 đồng (số cũ chuyển sang 22.803.024.000 đồng, thụ lý mới 6.917.631.000 đồng. Sau khi trừ đi số ủy thác 34.379.000.000 đồng, tổng số phải thi hành 29.686.276.000 đồng, trong đó có điều kiện thi hành 18.428.062.000 đồng, chưa có điều kiện 10.881.873.000 đồng. Đã thi hành xong 7.766.886.000 đồng, đạt tỷ lệ 42,15%, vượt 2,05% chỉ tiêu giao.

Chuyển kỳ sau 414 việc, số tiền 21.919.390.000 đồng, số chưa có điều kiện thi hành chuyển sang sổ theo dõi riêng 147 việc, số tiền 6.316.169.000 đồng).

8. Nhận xét, đánh giá chung

- Mặt làm được

Năm 2021, là năm có nhiều khó khăn, phức tạp, tình hình dịch bệnh tác động không nhỏ đến mọi mặt đời sống xã hội. Với quyết tâm chính trị và các biện pháp thích ứng linh hoạt, huyện đã cơ bản kiểm soát dịch bệnh, duy trì khá tốt chuỗi cung ứng, phục vụ sản xuất, kịp thời hỗ trợ người khó khăn, ổn định đời sống và trật tự an toàn xã hội; hầu hết các chỉ tiêu kinh tế xã hội đạt theo Nghị quyết HĐND huyện giao, chương trình mục tiêu quốc gia đạt khá toàn diện trên các lĩnh vực xây dựng nông thôn mới, chuẩn quốc gia về y tế, giáo dục, giảm nghèo; cải cách hành chính được tăng cường, hiệu quả hoạt động của chính quyền từ huyện đến xã được nâng lên rõ nét; sự công nổi bậc cùng cả nước thực hiện tốt cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND cấp cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026...

- Khó khăn, hạn chế

Khó khăn chung nhận thấy đó là: Sản xuất có lúc, có nơi bị đình trệ, người lao động mất việc làm, giảm thu nhập, những bức xúc về nhà ở, điều kiện sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, lĩnh vực giáo dục chịu tác động mạnh đến công tác huy động học sinh, thay đổi hình thức dạy và học, phần lớn thời gian, nguồn lực trong năm tập trung cho công tác phòng, chống dịch Covid-19, các mặt công tác khác có lúc, có nơi thiếu tập trung.

Công tác phòng, chống dịch còn một số mặt hạn chế, giải ngân một số nguồn vốn đầu tư công chậm, cải cách hành chính có bước đột phá nhưng chưa đáp ứng yêu cầu, những bức xúc về đời sống xã hội thiếu nguồn lực giải quyết.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2022

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu chung

Tập trung các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết đại hội đảng bộ huyện lần thứ XII, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021 – 2025.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Thu nhập bình quân đầu người 2.700 USD. Giá trị sản lượng thu hoạch trên một đơn vị diện tích đất nông, lâm, thủy sản là 148 triệu đồng.

Sản lượng lúa đạt 376.766 tấn, trong đó lúa đặc sản 328.262 tấn.

Diện tích màu và cây công nghiệp ngắn ngày 6.210ha.

Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc 27.300 con, đàn gia cầm 730 ngàn con.

Diện tích nuôi thủy sản 3.800ha. Tổng sản lượng thủy sản 9.820 tấn.

Giá trị sản xuất công nghiệp 687 tỷ đồng (giá so sánh 2010).

Xây dựng nông thôn mới: Phân đầu có 06 xã đạt chuẩn (trong đó 01 xã đạt tiêu chí nâng cao) và 02 xã đạt trên 17 tiêu chí trở lên.

Tổng thu ngân sách Nhà nước đạt và vượt chỉ tiêu trên giao.

Nâng tỷ lệ trường chuẩn quốc gia lên 79,5% tổng số trường.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,8‰. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 9,6%.

Giải quyết việc làm mới 2.200 lao động; dạy nghề 2.200 người (kể cả các cơ sở tư nhân), xuất khẩu lao động 30 người. Giảm 2.5% hộ nghèo theo tiêu chí mới; trong đó, hộ Khmer nghèo giảm từ 3.5%.

Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung 98,85%; Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 99%; Thu

gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thu, gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường ở đô thị, khu công nghiệp 92%; thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thu, gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường ở khu dân cư, nông thôn 56,18%.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống dịch Covid-19

Dự báo tình hình dịch còn kéo dài, còn diễn biến phức tạp, do đó, từng cấp, từng ngành cần quán triệt, thực hiện và tuyên truyền mọi người dân tuân thủ các biện pháp thích ứng với phòng, chống dịch với đảm bảo sản xuất, kinh doanh an toàn... tránh tâm lý chủ quan, lơ là, buông lỏng công tác phòng, chống dịch.

Tiếp tục phát huy công tác giám sát cộng đồng trong phòng, chống dịch, cách ly y tế... Gắn tuyên truyền, tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong phòng, chống dịch. Rà soát, điều chỉnh kịp thời các kế hoạch công tác để ứng phó linh hoạt, kịp thời, có hiệu quả trước mọi tình huống, từng cấp độ dịch bệnh.

Thường xuyên nắm bắt thông tin, tầm soát dịch bệnh để sớm phát hiện các trường hợp nhiễm bệnh và áp dụng khoanh vùng rộng, phong tỏa hẹp, thần tốc, triệt để điều tra, truy vết, sớm khống chế các ổ dịch. Tiếp tục thực hiện kế hoạch tiêm Vắc xin an toàn, nhanh chóng bao phủ mũi 2 toàn dân trên địa bàn.

2. Phát triển nông nghiệp toàn diện gắn xây dựng nông thôn mới

Huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới để xây dựng kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và dân sinh. Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường nông thôn, xây dựng cảnh quan môi trường theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn nông thôn; phát động nhân rộng “Tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu” trên địa bàn huyện. Phấn đấu đến cuối năm 2022, có thêm 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (nâng tổng số lên 6 xã), duy trì 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 02 xã đạt trên 17 tiêu chí trở lên.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển thế mạnh sản xuất nông nghiệp tương ứng với điều kiện tự nhiên ở từng địa phương. Nghiên cứu, áp dụng nhanh chóng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hướng đến sản xuất công nghệ cao, sinh học... đánh giá nhân rộng các mô hình có hiệu quả, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi mới thay thế cho các mô hình sản xuất cũ, hiệu quả kinh tế thấp.

Khai thác thế mạnh các loại hình kinh tế hợp tác, thu hút nhiều người dân tham gia liên kết sản xuất, tăng dần qui mô sản xuất theo hướng tập trung, sản xuất lớn, phát huy vai trò các Hợp tác xã, Tổ hợp tác để xây dựng và tổ chức thực hiện

chuỗi liên kết sản xuất bền vững, tạo điều kiện thuận lợi trong hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với các công ty, doanh nghiệp.

Từng bước chuyển dần chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi theo quy mô gia trại, trang trại. Tăng cường công tác quản lý, giám sát dịch bệnh trong chăn nuôi; ngăn chặn, không để tái phát dịch tả lợn Châu Phi. Nghiên cứu, nhân rộng các mô hình nuôi có khả năng thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu.

3. Khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên

Tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng các công trình dự án đầu tư năm 2022, thường xuyên chỉnh lý biến động đất, quản lý khai thác đất đai, nguồn nước ngầm đúng quy định; tranh thủ các cơ quan chức năng trong sắp xếp các khu đất công, giải quyết từng bước và cơ bản đối với các trường hợp khiếu nại, tranh chấp về đất đai.

Tăng cường biện pháp giữ gìn vệ sinh môi trường, nhất là môi trường sản xuất nông nghiệp, môi trường trong chăn nuôi, thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu.

3. Về Công nghiệp - TTCN, thương mại, dịch vụ

Thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; kịp thời đề xuất giải quyết những vướng mắc của doanh nghiệp; tăng cường các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, nhất là thực hiện tốt các chủ trương, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất trong tình hình dịch bệnh. Triển khai có hiệu quả chương trình khuyến công, khuyến khích phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp, các ngành hàng khai thác thế mạnh nguyên, vật liệu tại địa phương.

Kêu gọi nhà đầu tư xây dựng Khu phố Chợ Mỹ Tân, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa; chợ Phước Bình, xã Mỹ Thuận và sắp xếp trật tự mua bán, chỉnh trang các chợ còn lại đáp ứng nhu cầu kinh doanh mua bán, góp phần làm tăng giá trị thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện cũng như thực hiện đánh giá tiêu chí số 7 trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Thường xuyên phối hợp các ngành kiểm tra để bình ổn giá cả thị trường, phòng chống gian lận thương mại, kinh doanh hàng lậu, hàng kém chất lượng, hàng không đảm bảo vệ sinh ATTP, nhằm đảm bảo cho người tiêu dùng.

5. Tài chính, tín dụng, đầu tư công

Đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân các nguồn vốn đầu tư và nguồn vốn có tính chất đầu tư. Thực hiện tốt công tác thu ngân sách nhà nước, thu đúng, thu đủ không bỏ sót nguồn thu; Tiết kiệm các khoản chi, tạo nguồn lực thực hiện công tác phòng, chống dịch gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

Quản lý và triển khai có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo tiến độ thi công và giải ngân kịp thời kế hoạch vốn được giao. Bên

cạnh triển khai công trình mới, lập thủ tục quyết toán công trình hoàn thành đúng thời gian quy định, tránh tồn đọng kéo dài.

Tiếp tục duy trì chất lượng tín dụng chính sách, thực hiện các chỉ tiêu Phương án giai đoạn 2021 - 2023 theo phê duyệt của cấp trên. Chủ động xử lý nợ đến hạn, nợ khoanh hết hạn, kiểm chế phát sinh nợ quá hạn và tập trung thu hồi dần nợ khoanh; Cùng cố nâng cao chất lượng giao dịch xã, đảm bảo phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của địa phương.

6. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm học 2021-2022 gắn với đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục các cấp học. Xây dựng kế hoạch tổ chức các kỳ thi cho giáo viên và học sinh năm 2022 trong điều kiện phòng, chống dịch bệnh. Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và quan tâm đầu tư cơ sở vật chất ngành giáo dục để đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với các cấp học. Đẩy mạnh thực hiện việc rà soát, sắp xếp mạng lưới, trường lớp, đầu tư cơ sở vật chất gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục làm tốt công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng; tăng cường giáo dục tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp cho cha mẹ học sinh và học sinh hiểu rõ chủ trương phân luồng, lợi ích của phân luồng để người dân hiểu, đồng thuận và chia sẻ với ngành.

Đổi mới và đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền phòng, chống dịch Covid- 19; tuyên truyền về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân. Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng thông tin, phát thanh; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong tình hình mới; kiên quyết ngăn chặn, xử lý các thông tin sai sự thật, ảnh hưởng uy tín của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên không gian mạng.

Thường xuyên kiểm tra các hoạt động kinh doanh, dịch vụ văn hóa, thể thao, quảng cáo và du lịch; đẩy mạnh việc thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; nâng cao chất lượng công nhận các danh hiệu gia đình văn hóa; tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phòng, chống bạo lực gia đình; Quy ước Khu dân cư trên địa bàn huyện; Chương trình hành động của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 02/8/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch huyện Mỹ Tú đến năm 2020, định hướng năm 2025.

Thực hiện tốt công tác chăm lo sức khỏe cho nhân dân, đi đôi với công tác phòng chống các loại dịch bệnh. Nâng cao chất lượng thực hiện các xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; triển khai có hiệu quả kế hoạch giảm nghèo và an sinh xã hội theo lộ trình và kế hoạch phê duyệt. Tiếp tục vận động đóng góp và triển khai hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2022. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới; đẩy mạnh tư vấn, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hợp đồng lao động cho người lao động.

Triển khai thực hiện các dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ Tướng Chính phủ Phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1 năm 2021 - 2025.

7. Công tác an ninh, trật tự và quân sự địa phương

Tăng cường quản lý địa bàn trên tất cả các lĩnh vực, nhất là nắm chặt tình hình người dân đi làm ăn xa trở về địa phương; phối hợp thực hiện tốt công tác tiếp nhận và cách ly y tế đối với công dân trở về từ vùng dịch Covid-19.

Công an huyện chủ động tham mưu cho Ban chỉ đạo huyện tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 26/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới; sử dụng đồng bộ các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ và phòng ngừa xã hội; chủ động đấu tranh ngăn chặn, vô hiệu hóa các âm mưu, ý đồ hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, các phần tử xấu, hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; kiên quyết giữ vững ổn định về an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông; bảo vệ tuyệt đối an toàn các lễ hội, sự kiện quan trọng của Đảng, Nhà nước diễn ra trên địa bàn huyện.

BCH QS huyện duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ, chỉ đạo quân báo trình sát phối hợp Công an và lực lượng có liên quan theo dõi, nắm chắc tình hình ANCT-TTATXH, sẵn sàng xử lý các tình huống, không để bị động bất ngờ. Thực hiện nghiêm công tác phối hợp theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP đúng chức năng nhiệm vụ; đảm bảo thông tin liên lạc xuyên suốt với các tuyến. Triển khai tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2022.

8. Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính; thanh tra, tư pháp

Tiếp tục thực hiện các phong trào thi đua trong toàn quân, toàn dân và khen thưởng kịp thời các tổ chức cá nhân có thành tích trong các phong trào thi đua. Tiếp tục sắp xếp bộ máy tổ chức, công tác cán bộ, đáp ứng cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Không ngừng thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền từ huyện đến xã, thị trấn.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; Tiến hành kiểm tra, thông báo kết luận và báo cáo kết quả kiểm tra công tác tư pháp năm 2022; thông báo kết luận và báo cáo kết quả kiểm tra đối với các cuộc kiểm tra liên ngành về xử lý vi phạm pháp luật; đấu giá tài sản và bảo vệ tài nguyên nước.

Thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hiện tốt Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác

tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 18/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập trung giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh đạt trên 95% và tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, xử lý tố cáo có hiệu lực pháp luật, đạt tỷ lệ trên 90%.

Tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế làm việc và các quy trình xử lý công việc do Cục Thi hành án dân sự ban hành; tăng cường kiểm tra, giám sát, công khai, minh bạch việc thực hiện các quy định về xác minh điều kiện thi hành án nhằm nâng cao hiệu quả thi hành án dân sự trên địa bàn.

Trên đây là tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2022, UBND huyện báo cáo trình tại kỳ họp thứ 3, Hội đồng nhân dân huyện khóa XII xem xét.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Cơ quan, ban ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phong



BIỂU TỔNG HỢP

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KTXH NĂM 2021, KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kèm theo Báo cáo số 282/BC-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện Mỹ Tú)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2020	KH NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN 2021	KH NĂM 2022	SO SÁNH			GHI CHÚ (Chỉ tiêu tính giao)
							ƯỚC TH 2021 SO KH 2021	ƯỚC TH 2021 SO TH 2020	KH 2022 SO UTH 2021	
A	Các chỉ tiêu chung									
1	Tốc độ tăng trưởng	%								
2	GDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành)	USD	2.370	2.500	2.583	2.700	103	109	104,53	
3	Giá trị sản lượng thu hoạch trên 01ha đất nông nghiệp, thủy sản	Triệu đồng	142	145	145,16	148	100	102	101,96	
B	Các chỉ tiêu cụ thể									
I	Ngành nông nghiệp									
1	Trồng trọt									
a	Cây lúa									
*	Lúa cả năm (năm lương thực)									
+	Diện tích gieo trồng	Ha	58.322	55.900	54.722	55.900	97,89	93,83	102,15	54.200
	Trong đó: Lúa đặc sản, chất lượng cao	ha	46.658	48.456	48.485	50.040	100,06	103,92	103,21	
	Lúa đặc sản, lúa chất lượng cao	%				63,53				63,53
	Tỷ lệ lúa đặc sản, lúa thơm các loại	%				46,75				46,75
+	Năng suất	Tấn/Ha	65,04	65,66	67,40	67,40	102,65	103,63	100,00	66,10
+	Sản lượng	Tấn	379.326	367.039	368.826	376.766	100,49	97,23	102,15	358.100
	TD, sản lượng lúa đặc sản	Tấn	303.461	316.757	326.789	328.262	103,17	107,69	100,45	
b	Màu và cây CN ngắn ngày	Ha	6.603	6.200	6.204	6.210	100,06	93,96	100,10	
*	Màu lương thực - Thực phẩm	Ha	6.100	6.100	6.104	6.100	100,07	100,07	99,93	
-	Màu lương thực	Ha	865	865	795	800	91,91	91,91	100,63	
-	Màu thực phẩm	Ha	5.235	5.235	5.309	5.300	101,41	101,41	99,83	
*	Cây công nghiệp ngắn ngày									
-	Mía									
+	Diện tích	Ha	503	100	100	70	100,00	19,88	70,00	
+	Năng suất	Tấn/Ha	100	100	100	100	100,00	100,00	100,00	
+	Sản lượng	Tấn	50.300	10.000	10.000	7.000	100,00	19,88	70,00	
+	Dứa MD2	Ha				40				
c	DT trồng cây ăn trái	Ha	1.902	1.700	1.700	1.550	100,00	89,38	91,18	
-	DT trồng cây chất lượng cao	Ha	841	700	591,5	520	84,50	70,33	87,91	
-	DT cải tạo, nâng chất và trồng mới	Ha	180	170	170	120	100,00	94,44	70,59	
2	Chăn nuôi (thời điểm 01/4)									
a	Tổng đàn gia súc									
-	Đàn heo	con	17.971	26.870	27.191	27.300	101,19	151,30	100,40	21.620
-	Đàn trâu	Con	11.220	19.800	20.116	20.200	101,60	179,29	100,42	
-	Đàn bò	Con	80	80	80	80	100,00	100,00	100,00	
-	Đàn bò	Con	6.671	6.990	6.995	7.020	100,07	104,86	100,36	
	Trong đó: đàn bò sữa	Con	2.967	2.850	2.970	2.800	104,21	100,10	94,28	
b	Đàn gia cầm	1.000 con	950,1	700	725	730	103,57	76,31	100,69	500
3	Lâm nghiệp									
-	Diện tích Tràm	Ha	2.593	2.793	2.793	2.933	100,00	107,71	105,01	
	Trong đó: Tràm giống	Ha								
4	Ngành thủy sản									
	Diện tích nuôi thủy sản	Ha	3.655	3.700	3.792	3.800	102,49	103,75	100,21	3.500
-	Diện tích nuôi tôm	Ha	100	100	102	100	102,00	102,00	98,04	
	Trong đó: Tôm sú	Ha	25	25	12		48,00	48,00	0,00	
	Tôm thẻ	Ha	50	50	64	75	128,00	128,00	117,19	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2020	KH NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN 2021	KH NĂM 2022	SO SÁNH			GHI CHÚ (Chỉ tiêu tính giao)
							ƯỚC TH 2021 SO KH 2021	ƯỚC TH 2021 SO TH 2020	KH 2022 SO UTH 2021	
	Tôm càng		25	25	26	25	104,00	104,00	96,15	
-	Diện tích nuôi cá các loại	Ha	3.555	3.600	3.690	3.700	102,50	103,80	100,27	
-	Tổng sản lượng thủy sản	tấn	8.578	9.700	9.780	9.820	100,82	114,01	100,41	9.820
	Trong đó: Sản lượng tôm nước lợ	Tấn				410				410
5	Kinh tế hợp tác									
-	HTX Nông nghiệp	HTX	16	17	15	17	88,24	93,75	113,33	
-	HTX phi nông nghiệp	HTX	1	1	1	1	100,00	100,00	100,00	
-	Tổ hợp tác	THT	78	80	80	82	100,00	102,56	102,50	
6	Thủy lợi- Giao thông									
-	Giao thông thủy lợi mùa khô	m3	50.454	50.000	50.875	50.000	101,75	100,83	98,28	
7	Nông thôn mới									
-	Số xã đạt 19 tiêu chí	xã	4	5	5	6	100,00	125,00	120,00	
	TĐ: Số xã đạt tiêu chí nâng cao	xã		1	1	1			100,00	
-	Số xã đạt 17 tiêu chí trở lên	xã				2				
-	Số xã đạt 15 tiêu chí trở lên	xã	4	3	3		100,00	75,00	0,00	
-	Số xã đạt 14 tiêu chí	xã								
II	Công nghiệp - TTCN									
1	Giá trị SX công nghiệp (Giá 2010)	Tỷ đồng	581	597	598	687	100,17	102,93	114,88	
2	Tổng mức hàng hóa bán ra, DVTDXH	"	5.402	5.600	5.601	5.700	100,02	103,68	101,77	
-	Trong đó bán lẻ	"	5.100	5.200	5.221	5.304	100,40	102,37	101,59	
III	Tài chính									
1	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tr.đồng	47.284	30.700	30.765	35.000	100,21	65,06	113,77	
2	Tổng chi ngân sách trên địa bàn	""	453.036	445.334	549.903	426.282	123,48	121,38	77,52	
IV	Giáo dục - đào tạo									
1.1	Học sinh đầu năm học	HS	21.261	21.187	20.018	21.600	94,48	94,15	107,90	21.600
-	Mẫu giáo- Nhà trẻ	HS	3.165	3.700	2.429	3.400	65,65	76,75	139,98	3.400
	Trong đó: Nhà trẻ	HS	150	213	73	200	34,27	48,67	273,97	200
	Mẫu giáo	HS	3.015	3.487	2.356	3.200	67,57	78,14	135,82	3.200
-	Phổ thông	HS	18.096	17.487	17.589	18.200	100,58	97,20	103,47	18.200
	Trong đó: Tiểu học	HS	9.923	9.262	9.349	9.900	100,94	94,22	105,89	9.900
	Trung học cơ sở	HS	5.972	6.115	5.906	6.100	96,58	98,89	103,28	6.100
	Trung học phổ thông	HS	2.201	2.110	2.334	2.200	110,62	106,04	94,26	2.200
-	Tỷ lệ huy động trẻ em đúng độ tuổi đến nhà trẻ	%	13,54	14,00	14,00	18,00	100,00	103,40	128,57	
-	Tỷ lệ huy động trẻ em đúng độ tuổi đến lớp mẫu giáo	%	75,76	85,00	85,00	85,50	100,00	112,20	100,59	
-	Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi tiểu học	%	99,24	99,50	99,50	99,50	100,00	100,26	100,00	
-	Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng tuổi cấp THCS	%	94,45	95,00	95,00	95,50	1.000,00	100,58	100,53	
-	Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng tuổi cấp THPT	%	84,77	74,00	74,00	74,5	100,00	87,30	100,68	
1.2	Phổ cập giáo dục tiểu học	Người	60	60	60	60	100,00	100,00	100,00	65
1.3	Phổ cập giáo dục THCS	""	150	150	150	150	100,00	100,00	100,00	150
	Tỷ lệ xã đạt phổ cập THCS	%				100				100
1.4	Xoá mù chữ (15 đến 60 tuổi)	Người	100	100	100	100	100,00	100,00	100,00	100
1.5	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	71,11	73,33	77,27	79,50	105,37	108,66	102,89	77,00
	- Số trường đạt chuẩn quốc gia	%		33	34	35	103,03		102,94	
1.6	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học	%	84,72	85,62	85,62	86	100,00	101,06	100,44	
1.7	Tỷ lệ học sinh bỏ học	%	<2	<2	<2	<2				

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2020	KH NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN 2021	KH NĂM 2022	SO SÁNH			GHI CHÚ (Chỉ tiêu tính giao)
							ƯỚC TH 2021 SO KH 2021	ƯỚC TH 2021 SO TH 2020	KH 2022 SO UTH 2021	
V	Y tế									
1	Tỷ lệ xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	100	100	100	100	100,0	100,0	100,00	100
2	Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	0,82	0,81	0,8	0,80	101,3	102,5	100,00	
3	Tiêm chủng mở rộng trẻ dưới 1 tuổi	%	99,00	99,00	99,00	99,00	100,0	100,0	100,00	99
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD	%	10,0	9,8	9,7	9,60	101,0	103,1	101,04	905
5	Tỷ lệ xã (trạm) có bác sĩ phục vụ	%	88,89	88,89	88,89	88,89	100,0	100,0	100,00	77,78
6	Tổng số giường bệnh	Giường				250				250,00
7	Tổng số bác sĩ	BS				57				57,00
8	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	95,5	96,00	77,79	96	81,0	81,5	123,41	94,8
8,1	- BHYT hộ gia đình		79,9	86,00	85,00	86,7	98,8	106,4	102,00	86,70
8,2	- BHYT bắt buộc		97,5	96,00	95,50	97,85	99,5	97,9	102,46	97,85
9	Tỷ lệ tham gia BHXH của LLLĐ trong độ tuổi	%	37,01	38,3	23,10	39,3	60,3	62,4	170,13	31,90
9,1	Bắt buộc	%	34,84	35,08	20,55	35,58	58,6	59,0	173,14	30,00
9,2	Tự nguyện	%	2,17	3,21	2,55	3,71	79,4	117,5	145,49	1,90
VI	Văn hóa - Thông tin									
-	Nâng chất gia đình văn hóa mới	Hộ	23.874	24.247	24.489	24.810	101,00	102,58	101,31	24.810
-	Số người tập luyện TDTT	Người				28.000				
-	Số hộ gia đình thể thao	Hộ				1.427				
-	Công nhận và tái công nhận Ấp văn hoá	ấp	81	81	81	82	100,00	100,00	101,23	82
-	Tỷ lệ ấp văn hoá trong toàn huyện	%	97,59	97,59	97,59	98,79	100,00	100,00	101,23	98,79
-	Khách tham quan du lịch	Người		7.250	9.898	9.999	136,52		101,02	
-	Khách Lưu trú	Người		2.648	55	110	2,08		200,00	
-	Tổng doanh thu du lịch	Triệu đồng		1.012	1.200	24	118,58		2,00	
VII	Lao động-TBXH	""								
-	Giải quyết việc làm mới	""	2.262	2.200	2.285	2.200	103,86	101,02	96,28	1.000
	Trong đó: Xuất khẩu lao động	Người	10	30	3	30	10,00	30,00		30
-	Dạy nghề (kể cả tư nhân)	Người	2.268	2.200	2.200	2.200	100,00	97,00	100,00	1.000
-	Số hộ thoát nghèo trong năm	Hộ	581	700	700	1.000	100,00	120,48	142,86	
-	Tỷ lệ hộ nghèo bình quân	%	1,51	Giảm 2-3%	1,56	2,5		103,36		2-3%
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc Khmer					3,5				
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	51,45	54,4	58,03	60,99	106,67	112,79	105,10	
	Trong đó đào tạo nghề	%	43,6	44,96	45,2	48,52	100,53	103,67	107,35	
-	Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%	24,96	26,15	26,2	27,33	100,19	104,97	104,31	30,00
-	Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi	%	68,15	71,35	72,5	101,61	101,61	106,38	140,15	85,00
VIII	Môi trường									
-	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	99,80	99,80	99,81	99,85	100,01	100,01	100,04	90,00
-	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%				75,00				75,00
-	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98,90	99,00	99,01	99,00	100,01	100,11	99,99	99,00
-	Tỷ lệ cơ sở sản xuất đạt tỷ lệ môi trường					100,00				100,00

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2020	KH NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN 2021	KH NĂM 2022	SO SÁNH			GHI CHÚ (Chỉ tiêu tính giao)
							ƯỚC TH 2021 SO KH 2021	ƯỚC TH 2021 SO TH 2020	KH 2022 SO UTH 2021	
-	Tỷ lệ thu gom chất thải nguy hại			100,00	100,00	100,00	100,00		100,00	100,00
-	Thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thu, gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường ở đô thị, khu công nghiệp	%	90,00	91,00	91,03	92,00	100,03	101,14	101,07	91,00
-	Thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thu, gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường ở khu dân cư, nông thôn	%	50,30	53,24	53,25	56,18	100,02	105,86	105,50	56,00
-	Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải	%				100,00				100,00
IX	An Ninh Quốc phòng									
1	Quân sự									
-	Tuyển quân	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
-	XD LL dân quân tự vệ	% DS	1,45	1,54	1,54	1,54	100,00	106,21	100,00	
-	Huấn luyện dân quân tự vệ	% LLXD	85,00	97,00	97,00	97,00	100,00	114,12	100,00	
-	Bồi dưỡng kiến thức QPAN đối tượng 4	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
2	Công An									
-	Giám phạm pháp hình sự và các tệ nạn xã hội	%	-5,00	-5,00	-15,00	-5,00				
-	Giám số vụ TNGT	%	-5,00	-5,00	40,00	-5,00				